

CHÍNH SÁCH DÂN SỐ MỚI - GÓC NHÌN TỪ TÔN GIÁO

The new population policy - A religious perspective

NGUYỄN THỊ MINH NGỌC*

Ngày nhận bài: 30/9/2025, ngày gửi phản biện: 08/10/2025, ngày duyệt đăng: 28/10/2025

Việt Nam đang bước vào thời kỳ già hóa dân số với tỉ suất sinh không đảm bảo mức sinh thay thế tại nhiều tỉnh, thành. Chính sách dân số mới thể hiện một bước ngoặt quan trọng trong chính sách dân số Việt Nam sau một thời gian dài. Vấn đề dân số Việt Nam không chỉ đối mặt với mức sinh thấp mà còn mất cân bằng giới tính khi sinh. Về lâu dài, điều này ảnh hưởng tới chất lượng dân số, và tạo nên nhiều vấn đề xã hội. Bài viết tiếp cận quan điểm của các tôn giáo về vấn đề sinh con và chỉ ra sự phù hợp của chính sách tôn giáo mới. Triết lý tôn giáo giải quyết vấn đề mất cân bằng giới tính khi sinh với quan điểm tôn trọng sự sống trong sự bình đẳng của thai nhi. Thái độ của các tôn giáo có sự khác biệt về vấn đề sử dụng các biện pháp tránh thai cũng như can thiệp hỗ trợ sinh sản.

Từ khóa: Chính sách dân số mới, góc nhìn tôn giáo về chính sách dân số, quan điểm tôn giáo về sinh con.

Vietnam is entering a period of population aging, with fertility rates falling below replacement level in many provinces and cities. The new population policy represents an important turning point in Vietnam's population strategy after a long period of continuity. Vietnam's population issues are not only characterized by low fertility rates but also by a sex imbalance at birth. In the long term, these factors affect population quality and generate various social problems. This paper approaches religious perspectives on childbirth to highlight the alignment between these perspectives and the new population policy. Religious philosophy addresses the issue of sex imbalance at birth by emphasizing respect for life and the inherent equality of fetuses. However, the attitudes of different religions diverge on the use of contraception as well as assisted reproductive interventions.

Keywords: The new population policy, a religious perspective on population policy, religious viewpoints on childbirth.

* Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Viện Xã hội học và Tâm lý học; Email: ngocnminh@gmail.com

1. Giới thiệu

Chính sách dân số là một chính sách tác động trực tiếp tới hành vi sinh con của người dân. Suốt một thời gian dài, Việt Nam thực hiện chính sách kiểm soát mức sinh, mỗi cặp vợ chồng chỉ có từ 1 đến 2 con. Gần đây, để đảm bảo mức sinh thay thế, chính phủ đã thực hiện chính sách dân số mới. Việc áp dụng chính sách dân số đối với tôn giáo có những góc nhìn riêng biệt. Sinh con là một hành vi có ý nghĩa sinh học. Tuy nhiên, các tôn giáo nhìn hành vi sinh con còn là một nhiệm vụ thiêng liêng, biểu hiện của việc thực hiện một sứ mệnh xã hội của con người, hoặc một cách đơn giản, sinh con là sự thực hiện một chu trình tự nhiên. Giáo lý các tôn giáo lớn như Phật giáo, Kitô giáo, Islam giáo, Ấn giáo... đều quan niệm sinh con không chỉ là sự tạo ra con người một cách cơ học mà là sự tiếp nối các giá trị tinh thần, là một cách các cá nhân thể hiện trách nhiệm cá nhân, gia đình và cộng đồng. Như vậy, hành vi sinh con còn gắn với các giá trị đạo đức, truyền thống, xã hội. Bài viết này đi sâu tìm hiểu quan điểm của các tôn giáo về hành vi sinh con, từ đó đưa ra góc nhìn về chính sách dân số mới từ tư tưởng, giáo lý tôn giáo. Đồng thời, bài viết cũng chỉ ra góc nhìn các tôn giáo đối với quyền sinh sản của người dân hiện nay.

2. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng cách tiếp cận liên ngành tôn giáo - triết học để phân tích quan điểm của các tôn giáo về vấn đề sinh con và chỉ ra sự phù hợp của chính sách tôn giáo mới. Về phương pháp nghiên cứu, bài viết sử dụng kết hợp các phương pháp phân tích, tổng hợp, điều tra xã hội học và phương pháp lịch sử.

3. Triết lý tôn giáo với vấn đề sinh con

3.1. Quan điểm Phật giáo

Theo Châu Văn Ninh, cấu tạo và nguồn gốc xuất hiện của con người theo quan niệm Phật giáo dựa trên các thuyết: thuyết danh sắc, thuyết lục đại, thuyết ngũ uẩn. Với thuyết danh sắc, danh chỉ yếu tố tinh thần, sắc chỉ yếu tố vật chất. Con người được cấu tạo bởi hai yếu tố vật chất và tinh thần. Thuyết lục đại cho rằng con người được cấu tạo bởi 6 yếu tố: địa (đất, xương, thịt); thủy (nước, máu, chất lỏng); hỏa (lửa, nhiệt, khí); phong (gió, hô hấp); không (các lỗ trong cơ thể); thức (ý thức, tinh thần). Thuyết ngũ uẩn cho rằng con người được cấu tạo bởi 5 yếu tố: sắc, thụ, tưởng, hành, thức (Châu Văn Ninh, 2021). Khác với các tôn giáo khác thừa nhận một đấng tối cao sáng tạo ra con người, Phật giáo cho rằng con người hình thành do sự vận hành của quy luật nhân quả.

Quan niệm của Phật giáo từ góc độ lý thuyết duyên khởi cho rằng, việc sinh con thuận theo sự hội hợp nhân duyên mà thành. Sinh con hay sự hình thành của một con người vận hành theo nghiệp lực. Nhân sinh quan Phật giáo khẳng định sự hình thành con người do yếu tố ngũ uẩn. Phật giáo khẳng định, giới tính mỗi cá nhân thọ nhận trong kiếp này là tùy theo nghiệp lực để sinh ra là nam hay nữ. Quan điểm của Phật giáo là bình đẳng không phân biệt nam hay nữ. Tư tưởng, giáo lý Phật giáo đối với hành vi sinh

con là không phân biệt giới tính. Mỗi quan hệ cha mẹ và con cái được thể hiện trong nhiều bài kinh thuộc hệ thống kinh Phật giáo nguyên thủy và Đại thừa. Trong kinh Thiện Sinh, Đức Phật bàn về trách nhiệm của cha mẹ đối với con cái: “Kẻ làm cha mẹ phải lấy năm điều này chăm sóc con cái: 1. Ngăn con đừng để làm ác; 2. Chỉ bày những điều ngay lành. 3. Thương yêu đến tận xương tủy. 4. Chọn nơi hôn phối tốt đẹp. 5. Tùy thời cung cấp đồ cần dùng.” (Linh Sơn Pháp bảo Đại tạng kinh, n.d., tr. 14). Kinh Trung bộ chỉ ra mối quan hệ nhân duyên giữa cha mẹ và con cái. Theo đó, có 3 yếu tố để hình thành một đứa con: cha mẹ có giao hợp; sự mang thai của người mẹ; và hương ẩm hay tâm thức có hiện tiền (Châu (dịch), 2012, tr. 328). Điều này khẳng định thuyết nhân duyên nghiệp trong sự hình thành người con. Con cái không do ý muốn của cha mẹ. Bởi vậy, sự đón nhận của cha mẹ là trân trọng mối nhân duyên này. Cả cha mẹ và con cái đều cần chấp nhận và trân trọng thân phận của mình. Đức Phật không đặt ra vấn đề giới tính, lựa chọn giới tính.

Tiếp cận vấn đề sinh con từ góc độ ngũ giới, giới luật căn bản dành cho phật tử tại gia thì giới đầu tiên là cấm sát sinh. Sự giao hợp của cha mẹ hội tụ đầy đủ duyên mới tạo thành bào thai. Bởi vậy, bào thai được hình thành đã là kết quả của sự hội tụ nhân duyên. Vì thế, phá thai coi là một hành vi sát sinh. Giáo lý Phật giáo không đặt vấn đề cấm sử dụng các biện pháp tránh thai nhưng không cho phép sử dụng hình thức loại bỏ thai nhi khi đã hình thành để làm biện pháp kiểm soát sinh.

Mục đích sinh con để có người nối dõi không được đặt ra trong giáo lý Phật giáo. Tuy nhiên, kinh Thiện Sinh có đề cập tới trách nhiệm của con cái đối với cha mẹ gồm 5 điều: Cung phụng không để thiếu thốn/ Muốn làm gì thưa cha mẹ biết/ Không trái điều cha mẹ làm/ Không can chướng nghiệp mà cha mẹ làm. “Này Thiện Sinh, kẻ làm con kính thuận và cung phụng cha mẹ thế thì phương ấy được an ổn không có điều lo sợ (Giáo Hội Phật giáo Việt Nam, tr. 338)”. Theo Kyong - Hee Lee, mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái trong đạo Phật ngoài sự phụng dưỡng khi còn sống còn có trách nhiệm cúng dường sau khi cha mẹ qua đời. “Cũng vậy, con cái nên chăm sóc cha mẹ theo năm cách phụng dưỡng cha mẹ, làm tròn bổn phận với tư cách con cái, giữ truyền thống gia đình, xứng đáng kế thừa di sản và cúng dường cho những người quá cố sau khi cha mẹ qua đời” (Thiện & Từ, 2021, tr. 43).

3.2. Quan điểm Kitô giáo

Theo quan điểm Kitô giáo, con người sinh ra bởi Đức Thiên Chúa “con người ở một mình thì không tốt, Ta sẽ làm cho nó một trợ tá xứng với nó” (St. 2,18) và Đức Chúa là Thiên Chúa cho một giấc ngủ mê áp xuống trên con người, và con người thiếp đi. Rồi Chúa rút một cái xương của con người ra, và lấp thịt thể vào. Đức Chúa lấy cái xương sườn đã rút từ con người ra, làm thành một người đàn bà và dẫn đến với con người (St 2,21-22) (Hội đồng Giám mục Việt Nam, tr. 2). Kinh Thánh, sách Sáng thế đã mô tả quá trình Thiên Chúa tạo ra Adam và Eva. Mối liên kết giữa Adam và Eva là cộng đoàn đầu

tiên giữa người với người, hay chính là mối quan hệ gia đình. Chức năng của gia đình là “hãy sinh sôi nảy nở thật nhiều, cho đầy mặt đất. Hãy làm bá chủ cá biển, chim trời, và mọi giống vật bò trên mặt đất” (St. 1,28). Trách nhiệm sinh sản là trọng trách quan trọng để con người trở thành cộng sự với Thiên Chúa trong kế hoạch yêu thương của Ngài đối với nhân loại.

Gia đình có ý nghĩa đặc biệt trong cộng đồng Kitô giáo. Theo đó, gia đình Kitô giáo là sự hiệp thông giữa các nhân vị, là dấu vết và hình ảnh của sự hiệp thông giữa Chúa Cha và Chúa Con trong Chúa Thánh Thần. Hoạt động sinh sản và giáo dục của gia đình phản ánh công trình tạo dựng của Chúa Cha. Gia đình được kêu gọi tham dự vào việc cầu nguyện và hy lễ của đức Kitô (Ủy ban giáo lý đức tin, 2009).

Giáo hội Kitô giáo luôn nhấn mạnh gia đình là tế bào nền tảng của xã hội. Giáo lý Kitô giáo khuyến khích sinh sản theo cách tự nhiên, phản đối vô tính hóa và các hình thức phá thai, sinh sản không tự nhiên như thụ tinh nhân tạo. Coi việc sử dụng các biện pháp sinh sản ngoài tự nhiên là không công bằng với trật tự luân lý tự nhiên.

Đối với Kitô hữu, truyền sinh là một ân huệ, một mục tiêu của hôn nhân. “Truyền sinh là một ân huệ, một mục tiêu của hôn nhân, vì tình yêu vợ chồng tự nhiên hướng về việc sinh sản con cái. Con cái là hoa quả và thành tựu của tình yêu vợ chồng, hiện diện ngay trong việc vợ chồng hiến thân cho nhau, chứ không phải là một cái gì từ bên ngoài được ghép vào” (Ủy ban Giáo lý Hội đồng giám mục Việt Nam, 2007) (Bài 17: Sinh con có trách nhiệm).

Giáo lý Công giáo phản đối việc phá thai (Ủy ban Giáo lý Hội đồng giám mục Việt Nam, 2007). “Giá trị của sự sống lớn lao, và quyền sống của đứa trẻ vô tội đang lớn lên trong lòng mẹ bất khả nhượng đến nỗi không một quyền lợi nào là của thân xác nào có thể biện minh cho quyết định chấm dứt sự sống ấy, một sự sống tự nó là một cùng đích chứ không bao giờ có thể bị coi là “tài sản” của một con người khác” (Phanxico & Vũ Văn An (dịch), 2016) (Điều 83). “Sự sống con người phải được tuyệt đối tôn trọng và bảo vệ từ lúc được thụ thai. Ngay khi bắt đầu hiện hữu, con người phải được kẻ khác nhìn nhận các quyền làm người, trong đó có quyền được sống là quyền bất khả xâm phạm của mọi người vô tội” (Ủy ban Giáo lý Hội đồng giám mục Việt Nam, 2007) (Bài 17: Sinh con có trách nhiệm). Ngay từ đầu, phá thai đưa vào dạng tội nặng “trực tiếp phá thai dù là mục đích hay phương tiện, đều vi phạm nghiêm trọng luật luân lý”.

Thời gian gần đây, Giáo hội Công giáo rất quan tâm tới vấn đề sinh sản, trước tình trạng tỉ suất sinh có chiều hướng suy giảm tại nhiều quốc gia trên thế giới. Tông huấn *Amoris Laetitia* viết về vấn đề sinh sản hiện nay như sau: “Việc suy giảm dân số, vì nỗi trạng chống đối việc có con và được cổ vũ bởi nền chính trị ngừa thai trên thế giới, đã tạo nên không những một tình thế trong đó mối liên hệ giữa các thế hệ không còn được bảo đảm mà cả mối nguy này với thời gian, việc suy giảm sẽ dẫn đến cảnh bần cùng hóa kinh tế và mất hết hy vọng vào tương lai. Việc phát triển kỹ thuật sinh học cũng có tác

động lớn đối với sinh suất. Thêm vào đó, còn có các nhân tố khác như “kỹ nghệ hóa, cách mạng tình dục, sợ nhân mãn và các vấn nạn kinh tế... Chủ nghĩa duy tiêu thụ cũng khiến người ta không dám có con, chỉ để họ duy trì được một chút tự do hay lối sống nào đó”. Lương tâm ngay thẳng của vợ chồng nào biết quảng đại trong việc truyền sinh có thể dẫn họ, vì các lý do đủ nghiêm túc, tới việc giới hạn số con, ấy thế nhưng “vì phẩm giá của lương tâm này, Giáo hội mạnh mẽ bác bỏ sự can thiệp cưỡng bức của Nhà Nước đòi người ta phải ngừa thai, triệt sản và thậm chí phá thai”. Các biện pháp này không thể chấp nhận được ngay ở những nơi có sinh suất cao, ấy thế nhưng ở các quốc gia có sinh suất thấp đến độ gây bối rối, chúng ta vẫn thấy các chính khách khuyến khích các biện pháp này. Như các giám mục Đại Hàn từng nói, việc này “hành động một cách tự mâu thuẫn và sao lãng bổn phận của mình” (Phanxico & An (dịch), 2016) (Điều 42).

Người Công giáo không được phép sử dụng các biện pháp phòng chống thai nhân tạo mà chỉ được sử dụng các biện pháp phòng chống thai tự nhiên khi có lý do chính đáng theo tiêu chuẩn của Hội Thánh. “Một khía cạnh đặc biệt của trách nhiệm đó là điều hòa truyền sinh. Khi có lý do chính đáng, đôi vợ chồng có quyền kéo dài khoảng cách giữa các lần sinh nở. Chính họ phải chứng thực rằng ước muốn đó không do ích kỷ, nhưng xứng hợp với lòng quảng đại chính đáng của bậc làm cha mẹ có trách nhiệm. Ngoài ra, họ phải xử sự theo những tiêu chuẩn khách quan của luân lý” (Ủy ban Giáo lý Hội đồng giám mục Việt Nam, 2007) (Bài 17: Sinh con có trách nhiệm). Cách thức ngừa thai nhân tạo là cách thức trực tiếp làm khả năng sinh sản vô hiệu hoặc làm cho diễn tiến truyền sinh bị ngăn chặn hay không đạt kết quả bị cấm trong Giáo hội Công giáo gồm: Cách thức áp dụng cho nam giới như thắt ống dẫn tinh, bao cao su, xuất tinh ngoài âm đạo, thuốc diệt tinh trùng... Cách thức áp dụng cho nữ như thắt ống dẫn trứng, thuốc tránh thai (uống, tiêm, cấy dưới da...), dụng cụ như vòng xoắn, màng ngăn... Lý do Hội Thánh cấm sử dụng các biện pháp này không chỉ vì ngăn trở việc thụ thai mà còn vì làm sai lệch sự hiến thân trọn vẹn của vợ chồng. Cấm việc hút điều hòa kinh nguyệt vì đây được coi là hình thức phá thai non. Những cách thức ngừa thai tự nhiên được Hội thánh chấp nhận là: tiết dục định kỳ, vợ chồng kiêng giao hợp trong thời kỳ người vợ dễ thụ thai. Để thực hiện điều này, các cặp vợ chồng sử dụng biện pháp tính ngày rụng trứng dựa trên chu kỳ kinh nguyệt (phương pháp Ogino Knauss; quan sát chất nhớt).

3.3. Quan điểm Nho giáo

Nho giáo đề cao vai trò của gia đình. Quan điểm sinh sản của Nho giáo gắn liền với vai trò của gia đình trong việc duy trì nòi giống. Bởi vậy, sinh sản không chỉ là vấn đề cá nhân mà còn được coi là một chiều cạnh đạo đức, trật tự xã hội và liên quan tới sự tồn vong của dòng họ, cộng đồng. Nho giáo nhấn mạnh tầm quan trọng của việc có con trai để nối dõi dòng tộc và duy trì thờ cúng tổ tiên. Đối với Nho giáo, trong gia đình, chữ Hiếu được đặt lên hàng đầu. Nho giáo hình thành với tư tưởng gia đình phụ quyền, trọng nam khinh nữ. Trong gia đình, quyền lực tuyệt đối thuộc về người đàn ông. Hệ tư tưởng

Nho giáo đề cao giá trị dòng tộc. Thờ cúng tổ tiên là một loại hình tín ngưỡng gia tăng sự gắn kết các mối quan hệ gia đình, dòng tộc trên quan điểm Nho giáo.

Tư tưởng Nho giáo trở thành hệ tư tưởng chủ đạo trong nhiều giai đoạn lịch sử Việt Nam. Bởi thế, ảnh hưởng tư tưởng Nho giáo vẫn còn sâu đậm trong truyền thống người Việt. Đạo hiếu vốn là tinh thần, nội dung của đạo đức gia đình truyền thống của người Việt, nhưng được tư tưởng Nho giáo làm sâu sắc thêm. Có thể khẳng định, “đạo hiếu có ý nghĩa quan trọng nhất, bậc cao nhất trong các nguyên tắc ứng xử gia đình” (Cường, 2012).

Nho giáo quy định việc hiếu với bố mẹ trước tiên là phụng sự cha mẹ khi còn sống. Thứ hai là làm tròn bổn phận khi cha mẹ đã qua đời. “(Làm con) khi cha mẹ sống thì theo lễ mà phụng sự cha mẹ, khi cha mẹ chết thì phải theo lễ mà an táng, và khi cúng tế cũng phải theo đúng lễ” (Sinh, sự chi dĩ lễ. Tử, táng chi dĩ lễ. Tế chi dĩ lễ). Khổng Cấp (Tử Tư) còn nhấn mạnh: “Phụng sự người đã chết như phụng sự người đang sống, phụng sự người đã mất như phụng sự người đang còn, thế là chí hiếu” (Sự tử như sự sinh, sự vong như sự tồn, hiếu chi chí giả). Mạnh Tử coi việc mai táng cha mẹ quan trọng hơn cả việc phụng dưỡng cha mẹ, mới đáng kể là việc trọng đại hơn hết của người con có hiếu, đồng thời cũng chỉ rõ thế nào là bất hiếu để người đời sau lấy đó mà tránh. Ông đã chỉ ra ba điều bất hiếu, trong đó không có người nói dối là điều bất hiếu lớn nhất (Hào, 2009).

Như vậy, con cái là một giá trị lớn lao đối với gia đình. Không có con là một tội. Tuy nhiên, con trong Nho giáo là con trai. “Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô”, tư tưởng này của Nho giáo có ảnh hưởng mạnh mẽ tới quan niệm về con cái của người Việt. Trong truyền thống, gia đình được nể trọng, được coi là phúc lớn là gia đình đa đình - nhiều con trai. Cho tới nay, không riêng Việt Nam, xu thế coi trọng con trai vẫn đậm nét ở những quốc gia chịu ảnh hưởng của Nho giáo. Sự coi trọng con trai hay tư tưởng phải có con trai nói dối kế nghiệp và thờ cúng tổ tiên tạo nên áp lực cho nhiều gia đình, đặc biệt lên người phụ nữ. Trong các hệ tư tưởng chi phối vấn đề dân số, mức sinh tại Việt Nam, Nho giáo là hệ tư tưởng có ảnh hưởng mạnh mẽ nhất.

4. Chính sách dân số mới: sự phù hợp với tư tưởng tôn giáo

Chính sách dân số là những quy định về mặt pháp lý, chương trình quản lý, điều hành và những hoạt động khác của chính phủ nhằm vào việc thay thế hoặc sửa đổi xu hướng phát triển dân số trong từng thời điểm trên cơ sở quan tâm tới lợi ích và sự sống còn của quốc gia.

Chính sách dân số là một chính sách quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội. Tùy thuộc từng giai đoạn, chính sách dân số cần điều chỉnh phù hợp. Với đặc điểm một đất nước có mật độ dân số đông, tốc độ phát triển dân số nhanh từ sau khi thống nhất đất nước, Chính phủ Việt Nam đã nhận thức được tầm quan trọng của việc điều chỉnh quy mô, cơ cấu và chất lượng dân số thông qua công cụ chính sách dân số phù hợp từng thời kỳ. Chính sách dân số Việt Nam có thể phân thành các giai đoạn chính sau:

- Giai đoạn 1961 - 1975: Bối cảnh Việt Nam trong giai đoạn chiến tranh. Ngày 26 tháng 12 năm 1961, Hội đồng Chính phủ ra Quyết định 216-CP về việc sinh đẻ có hướng dẫn mang tính vận động hạn chế sinh. Kết quả, tỉ lệ tăng dân số giảm.

- Giai đoạn 1976 - 1990: Chính sách sinh đẻ có hướng dẫn tiếp tục được thực thi. Tuy nhiên, mục tiêu giảm tỉ lệ phát triển dân số xuống 1,7% không đạt kết quả.

- Giai đoạn 1991 - 2000: Bối cảnh nền kinh tế tăng trưởng. Tốc độ tăng dân số tiếp tục cao. Đại hội VII (1971) ban hành nghị quyết về chính sách dân số với mục tiêu tổng quát: thực hiện ít con, khỏe mạnh, tạo điều kiện có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Cụ thể, mỗi gia đình chỉ có từ 1 - 2 con.

- Giai đoạn 2001 - 2024: Kế thừa thành quả từ thời kỳ trước, mức sinh dần giảm xuống. Nghị quyết 04-NQ/HNTW khóa IX xác định: “Chính sách dân số nhằm chủ động kiểm soát quy mô và tăng chất lượng dân số phù hợp với những yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cao chất lượng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản - kế hoạch hóa gia đình; giải quyết tốt mối quan hệ giữa phân bố dân cư với quản lý dân số và phát triển nguồn nhân lực.

- Giai đoạn từ 2025 đến nay: Dân số Việt Nam đang đứng trước một số thách thức là chênh lệch giới tính cao. Sự mất cân bằng tỉ số giới tính khi sinh tác động lên cơ cấu giới tính dân số trong tương lai và dẫn tới hiện tượng thừa nam giới. Đây là vấn đề một số quốc gia trên thế giới đang phải đối mặt. Mức sinh tại một số tỉnh, thành giảm dưới mức sinh thay thế. Thực trạng này đặt ra yêu cầu sửa đổi, bổ sung, ban hành mới chính sách dân số nhằm tác động vào quá trình biến đổi dân số với mục tiêu đảm bảo phát triển nguồn nhân lực phù hợp và thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội quốc gia.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành pháp lệnh số: 07/2025/UBTVQH15 về sửa đổi, bổ sung Điều 10 của Pháp lệnh Dân số (Thư viện pháp luật, 2025). Theo đó, Điều 10, sửa đổi, bổ sung như sau: “Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của mỗi cặp vợ chồng, cá nhân trong việc thực hiện kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản. Cụ thể như sau:

- Quyết định về thời gian sinh con, số con và khoảng cách giữa các lần sinh phù hợp với lứa tuổi, tình trạng sức khỏe, điều kiện học tập, lao động, công tác, thu nhập và nuôi dạy con của cặp vợ chồng, cá nhân trên cơ sở bình đẳng.

- Bảo vệ sức khỏe, thực hiện các biện pháp phòng ngừa bệnh nhiễm khuẩn đường sinh sản, bệnh lây truyền qua đường tình dục, HIV/AIDS và thực hiện các biện pháp khác liên quan đến chăm sóc sức khỏe sinh sản.

Pháp lệnh này có hiệu lực thi hành từ ngày 03 tháng 6 năm 2025. Như vậy, Quốc hội đã chính thức bãi bỏ quy định giới hạn mức sinh “một hoặc hai con”, chính sách dân số được chuyển từ định mức sang dựa trên quyền tự do của các gia đình trong việc lựa chọn số con phù hợp với nhu cầu và khả năng. Mục tiêu sự sửa đổi chính sách dân số là

nhằm ứng phó với tình trạng sụt giảm tỉ suất sinh, đồng thời song song tiến trình già hóa dân số nhanh dẫn tới nguy cơ thiếu hụt lao động trong tương lai.

Đối với tín đồ các tôn giáo, sự điều chỉnh chính sách dân số là sự cởi trói cho tín đồ, đặc biệt với tín đồ Công giáo và Tin lành. Phá thai là hành vi sát sinh trong Phật giáo. Tuy nhiên, Phật giáo không quy định tín đồ không được sử dụng các biện pháp tránh thai dù là biện pháp tự nhiên hay nhân tạo. Vì thế tín đồ Phật giáo có nhiều lựa chọn tránh thai an toàn.

Công giáo và Tin lành là hai tôn giáo giới luật có tính áp chế cao đối với tín đồ trong cuộc sống hàng ngày. Đình chỉ thai là trọng tội và mặc cảm tội lỗi này vô cùng nặng nề đối với tín đồ Công giáo và Tin lành. Vì không được phép sử dụng các biện pháp tránh thai nhân tạo mà chỉ được sử dụng các biện pháp tránh thai tự nhiên, nên khả năng mang thai ngoài ý muốn dẫn tới buộc phải lựa chọn đình chỉ thai của tín đồ Công giáo và Tin lành cao hơn so với tín đồ các tôn giáo khác. Theo quy định của Giáo hội, phá thai là vi phạm điều răn thứ năm “người không được giết người”. Công đồng Vatican II đã khẳng định: “sự sống ngay từ lúc thụ thai đã phải được giữ gìn hết sức cẩn thận: phá thai và giết trẻ sơ sinh là những tội ác ghê tởm” (Công đồng Vatican II, Hiến chế mục vụ, 51). Trực tiếp phá thai cho dù là mục đích hay phương tiện đều vi phạm nghiêm trọng luân lý (Giáo lý Công giáo dành cho giáo dân, câu 2270-2271).

Sự điều chỉnh chính sách dân số vừa qua có thể không giải quyết được dứt điểm tình trạng phá thai nhưng là sự cởi trói cho tín đồ các tôn giáo có thể thực hiện giới luật tôn giáo mà không lo sợ vi phạm luật dân số khi mang thai con thứ 3 trở đi. Đây cũng là sự cởi trói cho tín đồ Công giáo và Tin lành khỏi áp lực khi không thể thực hiện các biện pháp tránh thai nhân tạo. Tuy nhiên, điều kiện kinh tế, gia đình là những nguyên nhân then chốt để tín đồ các tôn giáo kiểm soát mang thai ngoài ý muốn và lựa chọn số con hợp lý.

Đối với gia đình chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi tư tưởng Nho giáo, trong đó, tư tưởng coi trọng việc phải có con trai để nối dõi tông đường là then chốt thì sự sửa đổi chính sách dân số chính thức bỏ quy định mỗi cặp vợ chồng chỉ có từ 1 - 2 con sẽ là một nhân tố quan trọng tác động tới sự đảm bảo vị thế của người phụ nữ trong gia đình đã có 2 con gái. Lựa chọn đình chỉ thai khi biết giới tính không mong muốn của đứa con thứ 2 nhờ luật dân số điều chỉnh mà giảm đi. Thậm chí, tình trạng lựa chọn giới tính chủ động cũng có thể được giảm bớt.

5. Quan điểm tôn giáo về hỗ trợ kỹ thuật sinh sản và lựa chọn giới tính cho con (con người sinh học hay con người của Chúa?)

Sự phát triển của y học hiện đại, đặc biệt trong lĩnh vực sinh sản đã mang lại hy vọng cho các cặp vợ chồng hiếm muộn nhờ vào các kỹ thuật hỗ trợ sinh sản như thụ tinh trong ống nghiệm (IVF), tiêm tinh trùng vào bào tương trứng (ICSI), hoặc bảo quản trứng và tinh trùng. Tuy nhiên, song song với những lợi ích y học và nhân đạo đó là hàng loạt vấn đề đạo

đức, pháp lý và tôn giáo, đặc biệt là trong việc lựa chọn giới tính cho con. Các tôn giáo có quan điểm khác biệt về kỹ thuật hỗ trợ sinh sản từ góc nhìn giáo lý của mình.

Giáo hội Công giáo không tán thành các vấn đề liên quan đến sinh sản nhân tạo. Theo giáo huấn của Vatican trong *Donum Vitae* (1987) (Bộ Đức tin, 2025a) và *Dignitas Personae* (2008) (Bộ Đức tin, 2025a), Giáo hội không chấp nhận các kỹ thuật hỗ trợ sinh sản tách rời hành vi tính dục trong hôn nhân vợ chồng, đặc biệt là các kỹ thuật tạo phôi bên ngoài cơ thể người phụ nữ (như IVF), bởi vì điều đó vi phạm sự kết hợp thiêng liêng giữa vợ và chồng và tách rời mục tiêu truyền sinh khỏi tình yêu nhân vị cũng như đối với các hành vi liên quan đến sinh sản nhân tạo, Giáo hội Công giáo phản đối mạnh mẽ mọi hành vi lựa chọn giới tính thai nhi. Việc lựa chọn giới tính, trừ khi nhằm mục đích tránh bệnh lý di truyền nghiêm trọng, bị coi là “một sự vi phạm phẩm giá con người, bởi nó làm giảm giá trị sự sống thành đối tượng lựa chọn” (*Dignitas Personae*, 2008, số 23) (Bộ Đức tin, 2025b).

Các hệ phái Tin Lành có quan điểm đa dạng, cởi mở hơn so với Công giáo nên cho phép sử dụng hỗ trợ sinh sản miễn là không phá thai hoặc phá bỏ phôi dư thừa. Tuy nhiên, nhiều tổ chức Tin Lành phản đối mạnh mẽ lựa chọn giới tính, đặc biệt khi nó kéo theo hệ quả xã hội như mất cân bằng giới tính, phân biệt đối xử và phá thai vì lý do giới.

Quan điểm Phật giáo về vấn đề hỗ trợ sinh sản không thể hiện tính giáo điều cứng nhắc. Phật giáo có thái độ khoan dung và từ bi, đặc biệt cảm thông, chia sẻ với những cặp vợ chồng chịu nhiều đau khổ do hiếm muộn. Tùy theo từng truyền thống (Nam tông, Bắc tông, Kim Cang thừa), các quan điểm có thể khác biệt, nhưng tựu trung Phật giáo nhấn mạnh đến nghiệp lực, duyên sinh, và giới luật trong các chiều cạnh liên quan tới sinh sản, con cái. Việc sử dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản đối với Phật giáo là chấp nhận được nếu không gây tổn hại đến sinh mạng. Điều đó có nghĩa là Phật giáo cũng giống như Công giáo, Tin Lành không chấp nhận việc hủy phôi dư thừa trong quá trình thực hiện các kỹ thuật hỗ trợ sinh sản. Việc hủy phôi dư thừa trong chọn lọc được coi là hành vi phá thai hay đình chỉ thai. Phật giáo phản đối việc lựa chọn giới tính bởi vì đó là biểu hiện của tham ái, chấp trước và vi phạm nguyên tắc “từ - bi - hỷ - xả”. Ngoài ra, nếu lựa chọn giới tính dẫn đến phá thai có lựa chọn (sex-selective abortion), thì hành vi đó bị xem là tạo nghiệp sát sinh, vi phạm giới luật cơ bản, giới cấm thứ nhất, cấm sát sinh.

Trên thực tế, việc xử lý phôi dư thừa, hay phôi chưa được sử dụng trong quá trình sử dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản vẫn đang là thách thức lớn từ góc độ xã hội. Hiện chưa có văn bản pháp lý rõ ràng cho việc này. Các tôn giáo nhìn chung đã chia sẻ mối quan tâm sâu sắc đến giá trị sự sống con người, trật tự đạo đức, và ý chí thiêng liêng trong sinh sản. Trong khi nhiều tôn giáo đã có sự cởi mở hơn đối với kỹ thuật hỗ trợ sinh sản như một phương tiện giúp đỡ người hiếm muộn, thì lựa chọn giới tính cho con vẫn là vấn đề nhạy cảm, và phần lớn các truyền thống tôn giáo đều phản đối hoặc giới hạn việc này nếu không có lý do bất khả năng gây tổn hại sức khỏe thể chất cho người mẹ hoặc

do yếu tố di truyền. Điều này phản ánh sự xung đột giữa tiến bộ công nghệ với những nguyên lý đạo đức không chỉ thuộc về đạo đức tôn giáo mà còn thuộc về đạo đức xã hội. Trong bối cảnh hiện đại, việc đưa ra quyết định về sinh sản cần được các cặp vợ chồng cân nhắc kỹ lưỡng không chỉ trên phương diện y học mà còn trên nền tảng đạo đức nhằm cân bằng sự hài hòa giữa tự do cá nhân và trách nhiệm xã hội. Có thể thấy rằng, tư tưởng tôn giáo khi được áp dụng vào kiểm soát hành vi sinh sản hiện nay sẽ mang lại nhiều giá trị tích cực, đặc biệt đối với việc giải quyết tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh.

6. Kết luận

Chính sách dân số mới của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, với định hướng chuyển từ “kiểm soát sinh đẻ” sang “duy trì mức sinh thay thế” và nâng cao chất lượng dân số, là chính sách dân số với nhiều giá trị tích cực đáp ứng nhu cầu đời sống xã hội nhằm đảm bảo cung ứng đủ nguồn nhân lực cho sự phát triển bền vững đất nước. Từ góc nhìn tôn giáo như Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, có thể thấy rằng chính sách dân số hiện được tiếp cận một cách nhân văn, tôn trọng quyền con người, phù hợp với tư tưởng, niềm tin cơ bản của tôn giáo. Đối với tôn giáo, sinh con không chỉ là nghĩa vụ sinh học mà còn là trách nhiệm thiêng liêng gắn liền với nhân quả, luân hồi, ý chí của Thượng Đế hay sứ mệnh đạo đức của con người. Bởi vậy, tôn giáo dù không phản đối nhưng vẫn còn nhiều điểm không tán thành một số phương thức kỹ thuật hỗ trợ sinh sản dựa trên ý chí chủ quan của con người hiện nay. Các tổ chức tôn giáo với sức ảnh hưởng tín đồ từ tính thiêng tôn giáo cũng có thể trở thành đối tác tích cực của Nhà nước trong việc tuyên truyền chính sách dân số mới, qua đó góp phần thay đổi nhận thức và hành vi cộng đồng theo hướng tích cực và bền vững. Với ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống xã hội, các giá lý về trách nhiệm gia đình, lòng nhân ái, sự tiết độ, và chăm sóc sức khỏe vị thành niên, thai phụ và trẻ em có thể được lồng ghép vào các hoạt động Phật sự, mục vụ, lễ nghi, nhằm nâng cao chất lượng dân số về cả thể chất, tinh thần và đạo đức. Nhiều chiều cạnh tư tưởng tôn giáo có đóng góp tích cực giải quyết những thách thức trong vấn đề dân số tại Việt Nam hiện nay như thách thức về sự gia tăng của tỉ lệ nạo phá thai; thách thức về mất cân bằng giới tính khi sinh, đặc biệt do hành vi lựa chọn giới tính khi sinh thông qua các phương thức hỗ trợ kỹ thuật sinh sản.

Do đó, để phát huy hơn nữa vai trò của tôn giáo trong việc tuyên truyền, phát động thực hiện chính sách dân số cần thúc đẩy sự đối thoại và hợp tác giữa nhà nước và các tổ chức tôn giáo. Chính sách dân số là một phần không thể thiếu trong đời sống xã hội để tạo dựng một xã hội hài hòa, nhân văn và phát triển toàn diện.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Đức tin. (2025a). *Donum Vitae* (1987). [https://www-vatican-va.translate.goog/roman_curia/congregations/cfaith/documents/rc_con_cfaith_doc_20081208_dignitas-personae_en.html?_x_tr_sl=en&_x_tr_tl=vi&_x_tr_hl=vi&_x_tr_pto=tc](https://www-vatican.va.translate.goog/roman_curia/congregations/cfaith/documents/rc_con_cfaith_doc_20081208_dignitas-personae_en.html?_x_tr_sl=en&_x_tr_tl=vi&_x_tr_hl=vi&_x_tr_pto=tc), 2025). Ngày truy cập 25/9/2025.

2. Bộ Đức tin. (2025b). *Dignitas Personae*, 2008. (Bộ Đức tin, https://www.vatican.va/roman_curia/congregations/cfaith/documents/rc_con_cfaith_doc_20081208_dignitas-personae_vi.html, 2025. Ngày truy cập 25/9/2025.
3. Châu, T. M. dịch. (2012). *Kinh Trung bộ, Đại kinh Đoạn tận ái*. Hà Nội: NXB. Tôn giáo.
4. Châu, T. M. dịch. (2024). *Kinh Pháp cú*. NXB. Tôn giáo.
5. Cường, N. A. (2012). Nho giáo về gia đình và gia đình Việt Nam hiện nay. *Tạp chí khoa học trường Đại học mở TP. Hồ Chí Minh*, số 7 (1), 75-84.
6. Giáo Hội Phật giáo Việt Nam. (n.d.). *Kinh Trường A Hàm, Kinh Thiện Sinh*. <http://www.daitangkinh.org/images/lspbdtk/T001/T001%20A%20H%C3%80M%20I%2027-Kinh%20Thi%E1%BB%87n%20Sanh.pdf>. Ngày truy cập 25/9/2025.
7. Hào, T. Đ. (2009). tư tưởng về giáo dục gia đình của Nho giáo (Qua tứ thư). *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, 87-94.
8. Hội đồng Giám mục Việt Nam. (n.d.). *Gia đình, trường dạy về tình liên đới*. https://tonggiaophanhanoi.org/wp-content/uploads/2018/10/14630_gioi_tre.pdf. Ngày truy cập 25/9/2025.
9. Linh Sơn Pháp bảo Đại tạng kinh. (n.d.). *Kinh Trường A Hàm, quyển I. Kinh Thiện Sinh*. <http://www.daitangkinh.org/images/lspbdtk/T001/T001%20A%20H%C3%80M%20I%2027-Kinh%20Thi%E1%BB%87n%20Sanh.pdf>. Ngày truy cập 25/9/2025.
10. Ninh, C. V. (2021). Quan niệm của Phật giáo nguyên thủy về bản chất con người. *Tạp chí Khoa học xã hội*, số 8 (276), 10-17.
11. Phanxico, Đ. T., & An, V. V. dịch. (2016). *Tông Huấn Amoris Laetitia - Niềm vui yêu thương*. <https://caritasvietnam.org/datafiles/files/TongHuanAmorisLaetitia.pdf>. Ngày truy cập 25/9/2025.
12. Thiện, T. Đ., & Từ, T. N. (2021). *Cách tiếp cận của Phật giáo về gia đình hòa hợp chăm sóc sức khỏe và xã hội bền vững*. Hà Nội: NXB. Hồng Đức.
13. Thư viện pháp luật (2025). Pháp lệnh sửa đổi Điều 10 Pháp lệnh dân số. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Phap-lenh-sua-doi-Dieu-10-Phap-lenh-Dan-so-2025-so-07-2025-UBTVQH15-661378.aspx>. Ngày truy cập 25/09/2025.
14. Ủy ban giáo lý đức tin, H. đ. (2009). *Sách giáo lý của Hội thánh Công giáo*. NXB. Tôn giáo.
15. Ủy ban Giáo lý Hội đồng giám mục Việt Nam. (2007). *Giáo lý hôn nhân và gia đình*. Hà Nội: NXB. Tôn giáo.